

DOI: 10.62829/VNHN.357.79.84

NGHỊ QUYẾT SỐ 29-NQ/TW - NGHỊ QUYẾT CHUYÊN ĐỀ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

✍ ThS. Nguyễn Văn Khánh
Đại học Công nghiệp Hà Nội

● **TÓM TẮT:** Trước tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều biến động khó lường; mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 không hoàn thành; tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu chiến lược đề ra, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm dần. Việc ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 về “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” vào thời điểm hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về lý luận và thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

● **Từ khóa:** Nghị quyết số 29-NQ/TW; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

● **ABSTRACT:** In the face of unpredictable changes in the world, region and country; the goal of becoming a modern industrialized country by 2020 has not been achieved; economic growth has not met the set strategic target, and the growth rate has tended to decrease. The issuance of Resolution No. 29-NQ/TW dated November 17, 2022 on “Continuing to promote industrialization and modernization of the country to 2030, with a vision to 2045” at the present time has a particularly important significance in both theory and practice in the process of building socialism and defending the Fatherland.

● **Keywords:** Resolution No. 29-NQ/TW; promoting industrialization and modernization.

Ngày nhận bài: 11/02/2025 Ngày bình duyệt: 21/02/2025 Ngày duyệt đăng: 14/02/2025

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là chủ trương xuyên suốt và nhất quán của Đảng, Nhà nước ta trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là phương thức, động lực để thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đại hội XIII nêu rõ: “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”. Sau gần 40 năm

đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đã đạt được những kết quả to lớn: tăng trưởng kinh tế ở mức cao, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, quy mô nền kinh tế tăng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện, thế và lực của đất nước ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, thực tiễn quá trình CNH, HĐH đất nước trong thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế: tăng trưởng kinh tế không

đạt mục tiêu chiến lược đề ra, tốc độ có xu hướng giảm dần; có nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Công nghiệp phát triển thiếu bền vững, chưa có ngành công nghiệp mũi nhọn, các ngành dịch vụ chưa đóng vai trò quan trọng, mối liên kết với các ngành sản xuất còn yếu. Đô thị hoá chưa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với CNH, HĐH. Các vấn đề về phát triển văn hoá, xã hội, con người, môi trường còn nhiều hạn chế, bất cập...

Bên cạnh đó, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường; nhất là tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang đặt ra nhiều vấn đề mới, có tính chất phức tạp. Từ đó đặt ra những yêu cầu thực tiễn cần phải ban hành một Nghị quyết mới có tính tổng thể và toàn diện để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Trước tình hình đó, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW, về “tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Bài viết tập trung khái quát những nội dung trọng tâm của Nghị quyết nhằm làm rõ những chủ trương mới của Đảng về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, là tài liệu phục vụ quá trình nghiên cứu và giảng dạy học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nghị quyết số 29-NQ/TW, đã khái quát đặc điểm tình hình; chỉ ra những thành tựu và hạn chế của quá trình CNH, HĐH sau 35 năm đổi mới, đồng thời cũng làm rõ những nguyên nhân của thành tựu và hạn chế đó. Trên cơ sở đó, Nghị quyết đưa ra những chủ trương cơ bản về đẩy mạnh CNH, HĐH:

Về quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và tầm nhìn

Quan điểm chỉ đạo

CNH, HĐH đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế

và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. So với các quan điểm trước đây của Đảng về CNH, HĐH thì đây là điểm mới được nhấn mạnh trong quan điểm của Nghị quyết lần này, đó là gắn quá trình thực hiện CNH, HĐH với xây dựng nền kinh tế, quốc gia độc lập tự chủ, dựa trên nội lực của đất nước, coi nội lực là quyết định.

Bên cạnh đó, Nghị quyết cũng xác định đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

CNH, HĐH phải khai thác và phát huy tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế của đất nước, của từng vùng và địa phương; lợi thế của nền kinh tế đi sau và đang trong thời kỳ dân số vàng; kết hợp đồng bộ, hiệu quả giữa phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu; chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam, tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, chú trọng đẩy mạnh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp.

Coi phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt; chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình CNH, HĐH; CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

Thực hiện CNH, HĐH cần có lộ trình và bước đi cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để phát triển các cực tăng trưởng, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng; xác định nguồn lực trong nước là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân) là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng, đột phá.

Trong quá trình CNH, HĐH phải bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần khởi nghiệp quốc gia, đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc, bản lĩnh và trí tuệ con người Việt Nam và truyền thống của giai cấp công nhân, vai trò xung kích, đi đầu của đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam.

Mục tiêu tổng quát đến năm 2030:

Việt Nam cơ bản đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đời sống của Nhân dân được nâng cao.

Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh với năng lực sản xuất mới, tự chủ, khả năng thích ứng, chống chịu cao, từng bước làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nền của các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn.

Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng mạnh mẽ khoa học-công nghệ tiên tiến. Các ngành dịch vụ được cơ cấu lại đồng bộ, hiệu quả trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số với chất lượng, hiệu quả và năng

lực cạnh tranh được nâng cao, hình thành được nhiều ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao.

Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

Nghị quyết xác định mục tiêu cụ thể: tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD; GNI bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 7.000 USD. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới.

Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%; đạt khoảng 260 sinh viên trên một vạn dân.

Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về năng lực cạnh tranh công nghiệp; tỷ trọng công nghiệp đạt trên 40% GDP; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%; giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, chế biến bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD. Tỷ trọng của khu vực dịch vụ đạt trên 50% GDP, trong đó du lịch đạt 14 - 15% GDP.

Hình thành được một số tập đoàn, doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn; xây dựng và phát triển được một số cụm liên kết ngành công nghiệp trong nước có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế; làm chủ một số chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp.

Xây dựng được ngành công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại.

Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Hoàn thành xây dựng chính phủ số, thuộc nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử kinh tế số.

Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%. Phân đầu đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN; chỉ số hiệu quả môi trường (EPI) đạt trên 55. Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

Tầm nhìn đến năm 2045:

Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu khu vực châu Á.

Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

Để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, Nghị quyết đã đưa ra 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, thể hiện trên tất cả các mặt từ đổi mới tư duy, nhận thức cho đến hoàn thiện thể chế, chính sách và giải quyết những điểm nghẽn, khắc phục những hạn chế trong thực hiện CNH, HĐH thời gian qua:

Thứ nhất, đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Nghị quyết xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước theo 2 giai đoạn. Theo đó, giai đoạn 2021-2030, xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững.

Nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước. Chuyển dịch

cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao. Chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải carbon thấp. Cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hóa các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Giai đoạn 2031-2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hóa và đẩy mạnh hiện đại hóa toàn diện trên tất cả lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội.

Thứ hai, phải xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy CNH, HĐH đất nước. Trong đó, đẩy nhanh thể chế hóa các nghị quyết, kết luận của Đảng có liên quan đến CNH, HĐH. Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng. Hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế. Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số...

Thứ ba, về xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng.

Để xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, Nghị quyết chỉ rõ những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể: hình thành các vùng công nghiệp, vành đai công nghiệp, cụm liên kết ngành công nghiệp; xây dựng và triển khai có hiệu quả quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là đối với các ngành dệt may, da giày, chế biến nông sản, thực phẩm. Xây dựng và triển khai chương trình quốc gia về

nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của nền sản xuất Việt Nam đến năm 2045 (Make in Vietnam 2045); khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn. Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: Luyện kim (ưu tiên phát triển thép hợp kim, thép đặc chủng phục vụ công nghiệp chế tạo máy thể hệ mới, nhất là cho quốc phòng, an ninh); cơ khí chế tạo (ưu tiên phát triển cơ khí chế tạo cho sản xuất máy nông nghiệp, ô-tô, tàu biển, thiết bị công trình, thiết bị năng lượng, thiết bị điện, thiết bị y tế); hóa chất (ưu tiên phát triển các loại hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, phân bón); công nghiệp năng lượng (ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới); vật liệu (ưu tiên phát triển vật liệu mới); công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử-viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn: Công nghiệp sản xuất rô-bốt, ô-tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; công nghiệp sinh học (tập trung vào gen, dược phẩm và các chế phẩm sinh học); công nghiệp dệt may, da giày ở các khâu tạo giá trị gia tăng cao dựa trên quy trình sản xuất thông minh, tự động hóa; công nghiệp văn hóa...

Phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, tự lực, tự cường. Hình thành hệ thống khu công nghiệp hiện đại quy mô lớn theo hướng sinh thái đi đôi với phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp tại khu vực nông thôn, miền núi.

Tiếp tục nghiên cứu và triển khai thí điểm các mô hình khu kinh tế đặc thù, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, các mô hình kinh tế mới tại một số địa phương có tiềm năng và đáp ứng các điều kiện, tiêu chí. Có chiến lược và chính sách nâng cao năng lực ngành xây dựng. Khuyến khích phát triển một số tập đoàn xây dựng quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng thành ngành kinh tế mạnh, đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng cơ bản nhu cầu trong nước; hạn chế, tiến tới dừng các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên phát triển vật liệu xanh, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

Ngoài ra, Nghị quyết chỉ rõ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đẩy nhanh công nghiệp hóa, điện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, điện đại hóa.

Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hóa nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hóa, điện đại hóa đất nước. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy CNH, HĐH. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy CNH, HĐH đất nước nhanh, bền vững.

Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước.

Phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí

thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong CNH, HĐH đất nước; bảo đảm tốt an sinh xã hội.

Đây là những nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá, bao phủ những vấn đề lớn nhằm giải quyết những điểm nghẽn, khắc phục những hạn chế trong thực hiện CNH, HĐH thời gian qua.

Như vậy, có thể thấy quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng về đẩy mạnh CNH, HĐH cho thấy sự bổ sung, cập nhật, hoàn thiện phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng và xu thế của thời đại. Nghị quyết số 29-NQ/TW thể hiện sự vận dụng đúng đắn quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất trong thời kỳ mới; qua đó đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong từng giai đoạn phát triển; từng bước nhận thức đúng đắn, đầy đủ, tôn trọng các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tư duy lý luận của Đảng đã thể hiện sự nhất quán, vận dụng sáng tạo tinh thần chủ

nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu xuyên suốt của CNH, HĐH đất nước nhằm không ngừng phát triển, nâng cao trình độ của lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất lao động xã hội, xây dựng cơ sở vật chất để từ đó cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, xây dựng, củng cố thể và lực của đất nước, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây cũng chính là quá trình từng bước thực hiện mô hình CNH, HĐH phù hợp với điều kiện, trình độ phát triển của Việt Nam.

Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần này yêu cầu tạo ra sự đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, đồng bộ hơn trong sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH ở nước ta. Với sự thống nhất và quyết tâm chính trị cao, sự hưởng ứng và tích cực tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, Nghị quyết sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống và góp phần thực hiện thành công các mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đã đề ra./.